

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG MERITZ**  
**cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
*kèm theo*  
**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-04
Báo cáo Kiểm toán	05-06
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán (B01 - DN)	07-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 - DN)	12-13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (B09 - DN)	13-27

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long Meritz (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long Meritz được thành lập tại nước Cộng Hòa xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vào năm 2008 dưới hình thức Công ty cổ phần, bởi ba (03) cổ đông sáng lập là Công ty tài chính cổ phần Handico, Công ty cổ phần đầu tư tài chính Thăng Long và Công ty TNHH Chứng khoán Meritz (đối tác Hàn Quốc) theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 59/UBCK-GP ngày 22 tháng 01 năm 2010.

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
- Tự doanh

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng P.302A, tòa nhà Thăng Long Ford, số 105 phố Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VND (*Bằng chữ: ba mươi tỷ đồng chẵn*), được chia thành 3.000.000 cổ phần. Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND.

Giá trị vốn góp của các cổ đông theo đăng ký kinh doanh

TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty tài chính cổ phần Handico	Tầng 2 Tòa nhà Thăng Long Ford, 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	300.000	10%
2	Công ty cổ phần đầu tư tài chính Thăng Long	P 112, Tầng 11, Toà nhà Viglacera, Mễ Trì, Hà Nội, Việt Nam	1.500.000	50%
3	Công ty TNHH Chứng khoán Meritz	34-10 Yeouido-dong, Youngdeungpo-gu, Seoul, Korea	1.200.000	40%
<b>Cộng</b>			<b>3.000.000</b>	<b>100%</b>

### Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

#### Hội đồng quản trị

Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Nguyễn Hà Trung	Thành Viên
Hugh Yoon	Thành Viên

#### Ban Giám đốc

Thiều Mai Hương	Quyền Tổng Giám đốc điều hành Trưởng phòng Đầu tư
Choi Chang Hoon	Quyền Tổng Giám Đốc Giám đốc đầu tư

**Bổ nhiệm**  
19/8/2010

**Miễn nhiệm**

18/08/2010



**Ban Kiểm soát**

Nguyễn Chính Nghĩa	Trưởng ban
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên
Mìn Young Chang	Ủy viên

**Kết quả hoạt động**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là lỗ 3.241.714.875 VND (Kỳ hoạt động từ 11 tháng 11 năm 2008 đến 31 tháng 12 năm 2009, lợi nhuận sau thuế là lỗ 6.815.810.469 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là lỗ 10.057.525.344 VND (Kỳ hoạt động từ 11 tháng 11 năm 2008 đến 31 tháng 12 năm 2009, lợi nhuận chưa phân phối là lỗ 6.815.810.469 VND).

**Các sự kiện sau ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính**

Ngày 27/01/2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước (UBCKNN) đã có Quyết định số 50/QĐ-UBCK về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần chiếm từ 10% vốn điều lệ trở lên của Công ty cổ phần quản lý quỹ Thăng Long Meritz. Theo đó, ngày 18/01/2011, UBCKNN đã cấp giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK về điều chỉnh giấy phép thành lập hoạt động số 43/UBCK-GP ngày 11 tháng 11 năm 2008 do UBCKNN cấp cho Công ty Cổ phần quản lý quỹ Thăng Long Meritz với nội dung như sau :

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Tên viết tắt : TLC

Cổ đông sáng lập :

TT	Tên cổ đông sáng lập/người đại diện phần vốn góp	Số giấy chứng nhận ĐKKD, nơi cấp	Số vốn góp (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty tài chính cổ phần Handico Ông Trần Ngọc Tuấn	Số 0103025572 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 1/7/2008	3.000.000	10%
2	Công ty cổ phần đầu tư tài chính Thăng Long Ông Nguyễn Hà Trung	Số 0103017008 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/05/2008	21.000.000	70%
3	Công ty TNHH Chứng khoán Meritz Ông Mìn Young Chang	Số 110111-0141301 do Văn phòng quản lý Thông tin đăng ký Trung ương, Vụ tòa án hành chính Hàn Quốc cấp ngày 24/02/1973, sửa đổi ngày 3/1/1995	6.000.000	20%
<b>Cộng</b>			<b>30.000.000</b>	<b>100%</b>

**Triển vọng của công ty**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định sẽ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 đã đề ra, và Công ty sẽ tiếp tục phát triển.

**Kiểm toán viên**

Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nhất - Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long Meritz**

Địa chỉ: P302A, tòa nhà Thăng Long Ford, 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

**TM. Ban Giám đốc**

**Q. Tổng Giám đốc**



Số: *14* /KTVN-BCKT2010

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long Meritz*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long Meritz**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long Meritz được lập ngày 10/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 07 đến trang 27 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long Meritz tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Bùi Thế Dũng**

**Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số: 0501/KTV

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT  
-CHI NHÁNH HÀ NỘI**

**Nguyễn Mạnh Thắng**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số: 0578/KTV



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>19.660.418.816</b>	<b>21.730.003.020</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>6.443.539.003</b>	<b>2.947.459.663</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111		66.513.817	59.156.031
2. Tiền gửi ngân hàng	112		2.411.229.082	2.888.303.632
3. Tiền đang chuyển	113		3.965.796.104	-
4. Các khoản tương đương tiền	114		-	-
<b>II. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>13.051.168.696</b>	<b>17.766.974.411</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		51.168.696	4.052.966.246
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122		13.000.000.000	14.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(285.991.835)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>147.711.117</b>	<b>702.750.106</b>
1. Phải thu khách hàng	131		141.791.667	685.597.550
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		-	-
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu khác	134	V.03	5.919.450	17.152.556
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	135		-	-
<b>IV. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>18.000.000</b>	<b>312.818.840</b>
1. Vật liệu, công cụ, dụng cụ	151		-	280.718.840
2. Tài sản lưu động khác	152		18.000.000	32.100.000
<b>B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>358.230.262</b>	<b>1.774.953.691</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>149.438.548</b>	<b>1.111.911.876</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	V.04	<b>102.239.221</b>	<b>1.028.352.033</b>
- Nguyên giá	212		282.390.109	1.281.844.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(180.150.888)	(253.492.076)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214	V.05	-	-
- Nguyên giá	215		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	216		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	217	V.06	<b>47.199.327</b>	<b>83.559.843</b>
- Nguyên giá	218		109.081.549	109.081.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(61.882.222)	(25.521.706)
<b>II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác</b>	<b>230</b>	V.07	-	-
1. Đầu tư chứng khoán	231		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	232		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (*)	233		-	-

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>250</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>208.791.714</b>	<b>663.041.815</b>
1. Chi phí trả trước	261	V.08	19.438.914	451.598.015
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		189.352.800	211.443.800
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>20.018.649.078</b>	<b>23.504.956.711</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>76.174.422</b>	<b>320.767.180</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.174.422</b>	<b>320.767.180</b>
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	12.112.421	61.135.710
4. Phải trả công nhân viên	314		372.001	107.111.942
5. Chi phí phải trả	315	V.10	62.690.000	91.401.750
6. Phải trả nội bộ	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	317	V.11	1.000.000	61.117.778
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>		-	-
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		-	-
2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	342		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.942.474.656</b>	<b>23.184.189.531</b>
<b>I. Nguồn vốn</b>	<b>410</b>	V.12	<b>19.942.474.656</b>	<b>23.184.189.531</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	412		-	-
3. Lợi nhuận tích lũy	413		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ dự trữ	416		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(10.057.525.344)	(6.815.810.469)
<b>II. Quỹ</b>	<b>430</b>	V.13	-	-
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>20.018.649.078</b>	<b>23.504.956.711</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Trái phiếu doanh nghiệp có thể chuyển đổi quản lý hộ khách hàng	002	V.14	-	30.000.000.000
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán theo mệnh giá	006		-	-

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

Kế toán

Q.Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh



Thiều Mai Hương

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Kỳ hoạt động từ 11/11/2008 đến 31/12/2009
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh</b>	<b>1</b>	<b>VI.15</b>	<b>1.016.667</b>	<b>147.986.297</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.16	-	-
3. Doanh thu thuần	10	VI.17	1.016.667	147.986.297
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.18</b>	<b>-</b>	<b>160.792.324</b>
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		1.016.667	(12.806.027)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	VI.19	2.755.656.925	3.215.762.574
7. Chi phí tài chính	14	VI.20	1.725.925.119	693.115.627
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	VI.21	4.329.384.494	9.325.680.143
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16		(3.298.636.021)	(6.815.839.223)
12. Thu nhập khác	17		767.255.683	526.753.068
13. Chi phí khác	18		710.334.537	526.724.314
14. Lợi nhuận khác	19		56.921.146	28.754
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>20</b>		<b>(3.241.714.875)</b>	<b>(6.815.810.469)</b>
16. Thuế TNDN phải nộp	21	VI.22	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN</b>	<b>22</b>		<b>(3.241.714.875)</b>	<b>(6.815.810.469)</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

Kế toán



Nguyễn Thị Hạnh

Q. Tổng Giám đốc



Thiều Mai Hương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Cho kỳ hoạt động từ 11/11/2008 đến 31/12/2009
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01		-	147.986.297
2. Tiền thu từ phí tư vấn	02		-	-
3. Tiền thu từ phí phát hành	03		-	-
4. Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng	04		-	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05		77.829.866	10.000.000
6. Tiền trả cho người cung cấp	06		(1.751.837.184)	(3.573.855.341)
7. Tiền trả lãi vay	07		-	-
8. Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08		(277.205.872)	(315.980.431)
9. Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09		(1.445.844.979)	(5.042.032.786)
10. Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10		(900.000)	(871.044.720)
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(244.787.314)	(40.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>	<b>30</b>		<b>(3.642.745.483)</b>	<b>(9.684.926.981)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	31		-	(2.016.952.658)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32		1.393.452.550	-
3. Tiền đầu tư chứng khoán	33		(223.541.041.061)	(11.990.955.000)
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34		225.105.846.502	8.455.864.962
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36		-	-
7. Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37		2.746.010.258	3.056.689.340
8. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38		424.689.850.000	99.000.000.000
9. Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39		(423.255.293.426)	(113.872.260.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>40</b>		<b>7.138.824.823</b>	<b>(17.367.613.356)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	41		-	30.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	42		-	-
3. Tiền đi vay	43		-	200.000.000
4. Tiền trả nợ vay	44		-	(200.000.000)
5. Tiền trả nợ thuế tài chính	45		-	-



	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6. Tiền trả cổ tức cho cổ đông		46		-	-
7. Tiền thu khác từ hoạt động tài chính		47		-	-
8. Tiền chi khác cho hoạt động tài chính		48		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC</b>		<b>50</b>		<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>60</b>		<b>3.496.079.340</b>	<b>2.947.459.663</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>70</b>		<b>2.947.459.663</b>	<b>-</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ		80		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>90</b>	<b>V.01</b>	<b>6.443.539.003</b>	<b>2.947.459.663</b>

**Kế toán**



**Nguyễn Thị Hạnh**

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

**Q. Tổng Giám đốc**



**Thiều Mai Hương**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long Meritz được thành lập tại nước Cộng Hòa xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vào năm 2008 dưới hình thức Công ty cổ phần, bởi ba (03) cổ đông sáng lập là Công ty tài chính cổ phần Handico, Công ty cổ phần đầu tư tài chính Thăng Long và Công ty TNHH Chứng khoán Meritz (đối tác Hàn Quốc) theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 59/UBCK-GP ngày 22 tháng 01 năm 2010.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
- Tự doanh

#### 4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

### II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.



#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc *tỷ giá bình quân liên ngân hàng*) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao trích theo phương pháp đường thẳng được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

• Phương tiện vận tải	06 năm
• Thiết bị văn phòng	03 năm
• Phần mềm quản lý	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

###### a) Các khoản đầu tư chứng khoán tự doanh:

Các khoản đầu tư chứng khoán tự doanh là các khoản chứng khoán được mua cho mục đích tự doanh và bán lại trong một thời gian ngắn theo Quyết định của Ban Giám Đốc.

Chứng khoán tự doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho mỗi loại chứng khoán cụ thể trong danh mục đầu tư và cho các chứng khoán giảm giá so với giá trị ghi sổ tại ngày lập báo cáo. Dự phòng không được lập khi không có thông tin thị trường về giá thị trường của các loại chứng khoán này.

###### b) Chứng khoán quản lý hộ khách hàng cho hoạt động quản lý danh mục đầu tư:

Chứng khoán quản lý hộ khách hàng cho hoạt động quản lý danh mục đầu tư là các chứng khoán thuộc sở hữu của khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Mọi rủi ro và lợi nhuận liên quan đến các chứng khoán này đều thuộc khách hàng. Do vậy chứng khoán loại này được ghi nhận ngoại bảng.



#### c) Đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam

Đầu tư ngắn hạn theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam được ghi nhận theo giá vốn ban đầu. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thu hồi được của khoản đầu tư thấp hơn giá vốn ban đầu.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## **7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### **a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ của đơn vị bao gồm: Doanh thu phí quản lý quỹ, doanh thu phí tư vấn và các khoản doanh thu dịch vụ khác.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **b) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu tài chính của Công ty bao gồm: doanh thu từ chứng khoán tự doanh, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu; cổ tức và các khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại hối.

## **8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

*Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính : VND*

1. Tiền	VND 31/12/2010	VND 01/01/2010
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>66.513.817</b>	<b>59.156.031</b>
Tiền mặt Việt Nam Đồng	66.513.817	59.156.031
<b>Tiền gửi ngân hàng (VND)</b>	<b>2.411.229.082</b>	<b>2.888.303.632</b>
Ngân hàng MB	1.151.126.999	700.741.606
Ngân hàng ACB	154.250.486	294.049.414
Công ty chứng khoán Thăng Long	856.462.632	1.725.953.791
Ngân hàng SCB	249.388.965	167.558.821
<b>Tiền đang chuyển</b>	<b>3.965.796.104</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>6.443.539.003</b>	<b>2.947.459.663</b>
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	VND 31/12/2010	VND 01/01/2010
Chứng khoán kinh doanh	51.168.696	4.052.966.246
+ <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>51.168.696</i>	<i>4.052.966.246</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	13.000.000.000	14.000.000.000
+ <i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>13.000.000.000</i>	<i>14.000.000.000</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(285.991.835)
<b>Cộng</b>	<b>13.051.168.696</b>	<b>17.766.974.411</b>
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	VND 31/12/2010	VND 01/01/2010
Phải thu ngắn hạn khác	5.919.450	17.152.556
<b>Cộng</b>	<b>5.919.450</b>	<b>17.152.556</b>

4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	81.350.400	999.454.000	201.039.709	1.281.844.109
Mua trong năm	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý	-	999.454.000	-	999.454.000
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>81.350.400</b>	<b>-</b>	<b>201.039.709</b>	<b>282.390.109</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	27.116.808	167.471.240	58.904.028	253.492.076
Trích khấu hao trong năm	27.116.808	124.931.754	67.013.244	219.061.806
Giảm trong năm	-	292.402.994	-	292.402.994
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>54.233.616</b>	<b>-</b>	<b>125.917.272</b>	<b>180.150.888</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	54.233.592	831.982.760	142.135.681	1.028.352.033
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<b>27.116.784</b>	<b>-</b>	<b>75.122.437</b>	<b>102.239.221</b>

5. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	-	109.081.549	109.081.549
Mua trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>-</b>	<b>109.081.549</b>	<b>109.081.549</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	-	25.521.706	25.521.706
Trích khấu hao trong năm	-	36.360.516	36.360.516
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>-</b>	<b>61.882.222</b>	<b>61.882.222</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	-	83.559.843	83.559.843
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	-	<b>47.199.327</b>	<b>47.199.327</b>

**7. Đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác**

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	VND 31/12/2010	VND 01/01/2010
Chi phí thành lập doanh nghiệp	12.354	210.551.702
Các chi phí khác	19.426.560	241.046.313
<b>Cộng</b>	<b>19.438.914</b>	<b>451.598.015</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	VND 31/12/2010	VND 01/01/2010
Thuế giá trị gia tăng	-	26.728.236
Thuế thu nhập cá nhân	12.112.421	34.407.474
<b>Cộng</b>	<b>12.112.421</b>	<b>61.135.710</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**10. Chi phí phải trả**

	VND 31/12/2010	VND 01/01/2010
Phí dịch vụ chuyên nghiệp phải trả	60.500.000	91.401.750
Chi phí phải trả khác	2.190.000	-
<b>Cộng</b>	<b>62.690.000</b>	<b>91.401.750</b>

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	VND 31/12/2010	VND 01/01/2010
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	-	10.881.178
Phải trả cho hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	49.236.600
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.000.000	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000</b>	<b>61.117.778</b>



12. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>Tại ngày 11 tháng 11 năm 2008</b>	-	-	-
Vốn nhận được trong kỳ	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Tăng khác	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	(6.815.810.469)	(6.815.810.469)
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>(6.815.810.469)</b>	<b>23.184.189.531</b>
Vốn nhận được trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	(3.241.714.875)	(3.241.714.875)
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>(10.057.525.344)</b>	<b>19.942.474.656</b>

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên Công ty	Vốn pháp định		Vốn góp đến ngày 31/12/2010	
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Công ty cổ phần đầu tư tài chính Thăng Long	1.500.000	15.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Công ty tài chính cổ phần Handico	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Meritz	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

d) **Cổ tức**

e) **Cổ phiếu**

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	30.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000

Cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 đồng.

13. **Quỹ**

<b>14. Trái phiếu doanh nghiệp có thể chuyển đổi quản lý hộ khách hàng</b>	<b>VND 31/12/2010</b>	<b>VND01/01/2010</b>
Trái phiếu doanh nghiệp có thể chuyển đổi quản lý hộ khách hàng	-	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
		Đơn vị tính: VND
<b>15. Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh</b>	<b>VND 2010</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 11/11/2008 đến 31/12/2009</b>
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	147.986.297
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	1.016.667	-
<b>Cộng</b>	<b>1.016.667</b>	<b>147.986.297</b>
<b>16. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
<b>17. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>VND 2010</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 11/11/2008 đến 31/12/2009</b>
Doanh thu thuần từ phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	147.986.297
Doanh thu thuần từ phí thưởng hoạt động	1.016.667	-
<b>Cộng</b>	<b>1.016.667</b>	<b>147.986.297</b>
<b>18. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>VND 2010</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 11/11/2008 đến 31/12/2009</b>
Chi phí hoạt động kinh doanh	-	160.792.324
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>160.792.324</b>

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND 2010	Kỳ hoạt động từ 11/11/2008 đến 31/12/2009
Lãi tiền gửi, cho vay	68.278.528	183.864.473
Thu nhập từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán	1.098.808.257	1.182.232.269
Lãi từ hoạt động đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam	1.588.570.140	1.849.665.832
<b>Cộng</b>	<b>2.755.656.925</b>	<b>3.215.762.574</b>

**20. Chi phí tài chính**

	VND 2010	Kỳ hoạt động từ 11/11/2008 đến 31/12/2009
Lỗ từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán	1.802.218.752	403.312.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.753.784	159.676
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán	(285.991.835)	285.991.835
Chi phí tài chính khác	207.944.418	3.651.884
<b>Cộng</b>	<b>1.725.925.119</b>	<b>693.115.627</b>

**21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND 2010	Kỳ hoạt động từ 11/11/2008 đến 31/12/2009
Chi phí nhân công	1.414.880.995	4.754.733.153
Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên ban kiểm soát	-	651.600.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	255.422.322	805.883.573
Thuế, phí và lệ phí	39.950.809	41.744.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.565.616.856	3.026.850.931
Chi phí khác	53.513.512	44.868.195
<b>Cộng</b>	<b>4.329.384.494</b>	<b>9.325.680.143</b>



**22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng chính sách thuế theo các quy định hiện hành tại Việt Nam.

	VND 2010	Cho kỳ hoạt động từ 11/11/2008 đến 31/12/2009
Lỗ trước thuế	(3.241.714.875)	(6.815.810.469)
Các chi phí không được khấu trừ khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	36.570.180	1.383.737.000
<i>Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát</i>	-	651.600.000
<i>Chi bảo hiểm cho Tổng giám đốc điều hành, giám đốc đầu tư và gia đình</i>	-	124.498.000
<i>Học phí cho con Giám đốc đầu tư</i>	-	571.924.246
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế khác</i>	36.570.180	35.714.754
<b>Lỗ mang sang</b>	<b>(3.205.144.695)</b>	<b>(5.432.073.469)</b>

Lỗ có thể được sử dụng để khấu trừ vào thu nhập chịu thuế của Công ty trong 05 năm sau tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ. Số lỗ lũy kế thực tế có thể được mang sang để khấu trừ vào thu nhập chịu thuế của các năm tiếp theo tùy thuộc vào kết quả của việc kiểm tra thuế của cơ quan thuế chủ quản.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

23. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác  
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

STT	Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Giá trị (VND)
1	Công ty tài chính cổ phần Handico (Hafic)	Cổ đông	Nhận tiền từ Hafic theo Hợp đồng ủy thác	392.099.850.000
			Nhận tiền bán trái phiếu từ Hafic	156.332.046.673
			Thu lãi tiền ủy thác quản lý vốn	1.262.801.800
			Nhận tiền thanh lý xe ô tô	553.452.550
			Chuyển trả tiền mua trái phiếu	(156.122.789.906)
			Chuyển trả tiền gốc và lãi cho hợp đồng quản lý vốn	(391.666.310.093)
			Mua cổ phiếu	(42.954.787.511)
			Bán chứng khoán	42.319.163.900
2	Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long - TLI	Cổ đông	Chuyển trả tiền cho Hợp đồng tư vấn và quản lý danh mục đầu tư	(31.584.916.667)
			Trả lãi hợp đồng mua trái phiếu	(4.066.666)
			Nhận tiền mua trái phiếu	30.000.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư khoản phải thu (VND)
1	Công ty tài chính cổ phần Handico (Hafic)	Cổ đông	Ủy thác quản lý vốn	13.000.000.000
2	Công ty tài chính cổ phần Handico (Hafic)	Cổ đông	Lãi ước tính từ hợp đồng ủy thác quản lý vốn	119.791.667

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận



5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2005 để so sánh với số liệu năm nay, chi tiết như sau :

Khoản mục báo cáo	Mã số	Ảnh hưởng của việc trình bày Báo cáo tài chính	
		Tại ngày 1/1/2010	Tại ngày 31/12/2009
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Phải thu khách hàng	131	685.597.550	22.000.000
<i>Công ty CP tài chính Hadinco- tiền lãi</i>		<i>110.145.000</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho người bán</i>		<i>22.000.000</i>	<i>22.000.000</i>
<i>Công ty CP tài chính Hadinco- thanh lý xe ô tô</i>		<i>553.452.550</i>	<i>-</i>
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	663.597.550
<i>Công ty CP tài chính Hadinco- thanh lý xe ô tô</i>		<i>-</i>	<i>553.452.550</i>
<i>Công ty CP tài chính Hadinco- tiền lãi</i>		<i>-</i>	<i>110.145.000</i>
		<b>685.597.550</b>	<b>685.597.550</b>

Khoản mục báo cáo	Mã số	Ảnh hưởng của việc trình bày Báo cáo	
		01/01/2010	Từ 11/11/2008 đến 31/12/2009
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>			
Thu tiền từ khách hàng cho dịch vụ quản lý danh mục đầu tư	18	-	35.000.000.000
Trả tiền cho khách hàng hoặc thay mặt cho khách hàng	19	-	(35.872.260.000)
Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38	99.000.000.000	64.000.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư	39	(113.872.260.000)	(78.000.000.000)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kế toán



Nguyễn Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

Q. Tổng Giám đốc



Thiên Mai Hương



